**I. Lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ**

**1. Xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ tại Hội đồng cấp tỉnh – 1.012471.000.00.00.H20**

**1.1**. **Trình tự, cách thức, thời gian giải quyết thủ tục hành chính**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Trình tự thực hiện** | **Cách thức thực hiện** | **Thời gian** **giải quyết****(ngày)** | **Ghi chú** |
| **Bước 1** | **Nộp hồ sơ thủ tục hành chính** | - Cá nhân quy định tại khoản 1, Điều 2, Nghị định số 43/2024/NĐ-CP ngày 19/4/2024 của Chính phủ tự mình hoặc ủy quyền bằng văn bản theo quy định của pháp luật cho cá nhân khác lập hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Trung tâm Hành chính công (Số 85, đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp)- Hoặc nộp qua bưu chính công ích- Hoặc nộp trực tuyến tại website cổng Dịch vụ công của tỉnh Đồng Tháp.[*http://dichvucong.dongthap.gov.vn*](http://dichvucong.dongthap.gov.vn) | Sáng: Từ 7 giờ đến 11 giờ 30  Chiều: Từ 13 giờ 30 đến 17 giờ của các ngày làm việc theo quy định. |  |
| **Bước 2** | **Tiếp nhận và chuyển hồ sơ thủ tục hành chính** | 1. Đối vớihồ sơ được nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả *(gọi tắt Bộ phận một cửa)* hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích cán bộ, công chức, viên chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xem xét, kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, cập nhật vào cơ sở dữ liệu của phần mềm một cửa điện tử của tỉnh a) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chính xác theo quy định hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân bổ sung hoàn thiện hồ sơ theo quy định và nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (mẫu số 02 của Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018)b) Trường hợp từ chối nhận hồ sơ phải nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (mẫu số 03 của Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018)c) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, chính xác theo quy định thì công chức, viên chức Bộ phận một cửa tiếp nhận và cập nhật hồ sơ vào phần mềm một cửa điện tử và lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (mẫu số 01 của Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018) và chuyển cho cơ quan có thẩm quyền để giải quyết theo quy trình | Sau khi tiếp nhận công chức/viên chức Bộ phận một cửa chuyển ngay hồ sơ trong ngày làm việc hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp nhận sau 15 giờ hàng ngày |  |
|  |  | 2. Đối với hồ sơ được nộp trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công của tỉnh, công chức, viên chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả phải xem xét, kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơa) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chính xác hoặc không thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định, cán bộ, công chức, viên chức tiếp nhận phải có thông báo, nêu rõ nội dung, lý do và hướng dẫn cụ thể, đầy đủ một lần để tổ chức, cá nhân bổ sung đầy đủ, chính xác hoặc gửi đúng đến cơ quan có thẩm quyền. Việc thông báo được thực hiện thông qua chức năng gửi thư điện tử, gửi tin nhắn tới người dân của Cổng Dịch vụ công của tỉnhb) Nếu hồ sơ của tổ chức, cá nhân đầy đủ, hợp lệ thì cán bộ, công chức, viên chức tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận và chuyển cho cơ quan có thẩm quyền để giải quyết theo quy trình | Không quá 01 ngày kể từ ngày phát sinh hồ sơ trực tuyến |  |
| **Bước 3** | **Giải quyết thủ tục hành chính** | Sau khi tiếp nhận hồ sơ từ bộ phận một cửa, công chức, viên chức xem xét, thẩm định hồ sơ, trình phê duyện kết quả giải quyết thủ tục hành chính | *Thời gian tổ chức hoạt động xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ tại Hội đồng cấp tỉnh không quá 90 ngày* |  |
| *1. Tiếp nhận hồ sơ (Bộ phận TN&TKQ)* | *01 ngày* |  |
| *2.Giải quyết hồ sơ* |  |  |
| a) Trường hợp quy định phải thẩm tra, xác minh hồ sơ: - Công chức thẩm định, trình cấp có thẩm quyền quyết định; cập nhật thông tin vào hệ thống thông tin một cửa điện tử và chuyển kết quả giải quyết hồ sơ cho bộ phận một cửa |  |  |
| *+ Chuyên viên xử lý hồ sơ (thẩm định; tham mưu đánh giá trực tiếp tại cơ sở; tham mưu thành lập Hội đồng xét tặng; công khai danh sách đề nghị xét tặng; gửi tài liệu, hồ sơ đề nghị đến thành viên Hội đồng; tiếp nhận xử lý kiến nghị; thông báo công khai kết quả; gửi báo cáo Hội đồng cấp Bộ;…)* | *77 ngày* |  |
| *+ Lãnh đạo phòng* | *3 ngày* |  |
| *+ Lãnh đạo Sở*  | *3 ngày* |  |
| *+ Văn thư* | *01 ngày* |  |
| *+ Hội đồng cấp Tỉnh (Thông báo văn bản kết quả xét chọn đến cá nhân đã gửi hồ sơ đề nghị)* | *05 ngày* |  |
| b) Trường hợp có quy định phải thẩm tra, xác minh hồ sơĐối với hồ sơ sau khi thẩm định không đủ điều kiện giải quyết, công chức giải quyết hô sơ báo cáo cấp có thẩm quyền trả lại hồ sơ và thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do, nội dung cần bổ sung, hoàn thiện hồ sơ thông qua bộ phận một cửa. Thông báo được nhập vào mục trả kết quả của phần mềm một cửa điện tử. Thời gian thông báo trả lại hồ sơ không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ | Thông báo trả lại không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ |  |
| **Bước 4** | **Trả hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính** | Công chức tại bộ phận một cửa trả kết quả nhập vào sổ theo dõi hồ sơ và phần mềm một cửa điện tử, thực hiện như sau:- Thông báo cho tổ chức, cá nhân biết trước qua tin nhắn, thư điện tử, điện thoại hoặc qua mạng xã hội được cấp có thẩm quyền cho phép đối với hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính trước thời hạn quy định- Tổ chức, cá nhân nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo thời gian, địa điểm ghi trên Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (xuất trình giấy hẹn trả kết quả). Công chức trả kết quả kiểm tra phiếu hẹn và thu phí, lệ phí (nếu có); yêu cầu người đến nhận kết quả ký nhận vào sổ và trao kết quả. Trường hợp tổ chức, cá nhân đã đăng ký nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính thì việc trả kết quả, thu phí, lệ phí (nếu có) và cước phí được thực hiện qua dịch vụ bưu chính; trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến, khi nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện khi đi mang theo hồ sơ gốc để đối chiếu và nộp lại cho cán bộ tiếp nhận hồ sơ, trường hợp nhận kết quả trực tuyến thì thông qua Cổng dịch vụ công trực tuyến (nếu có) | Tổ chức, cá nhân đến nhận kết quả tại Bộ phận một cửa theo thời gian quy địnhThời gian trả kết quả: Sáng: từ 07 giờ đến 11 giờ 30; chiều: từ 13 giờ 30 đến 17 giờ của các ngày làm việc |  |

**1.2. Thành phần, số lượng hồ sơ**

a) Thành phần hồ sơ gồm:

- Bản khai thành tích đề nghị xét tặng danh hiệu hiệu “Nghệ nhân nhân dân” theo mẫu số 1 và Bản khai thành tích đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” theo mẫu số 2 tại phụ lục kèm theo Nghị định số 43/2024/NĐ-CP.

- Có một trong các tài liệu chứng minh những đóng góp đối với việc giữ gìn, truyền nghề, dạy nghề: Băng hoặc đĩa hình hoặc ảnh mô tả các kỹ năng, kỹ xảo đang nắm giữ hoặc bản chứng thực trong trường hợp cá nhân nộp hồ sơ qua đường bưu điện, bản photocopy (có bản gốc để đối chiếu) trong trường hợp cá nhân nộp trực tiếp giấy chứng nhận hoặc quyết định tặng thưởng Huân chương, Huy chương, Giải thưởng, Bằng khen hoặc các tài liệu khác liên quan.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

**1.3. Thời hạn giải quyết:** Thời gian tổ chức hoạt động xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ tại Hội đồng cấp tỉnh không quá 90 ngày

**1.4. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân là người Việt Nam làm việc trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ.

**1.5. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Hội đồng cấp Tỉnh

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Công Thương

**1.6. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Thông báo bằng văn bản kết quả xét chọn đến cá nhân đã gửi hồ sơ đề nghị

**1.7. Phí:** Không quy định

**1.8. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

**-** Bản khai thành tích đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” theo mẫu số 01 (kèm theo).

- Bản khai thành tích đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” theo mẫu số 02 (kèm theo).

**1.9. Yêu cầu, điều kiện để thực hiện TTHC:**

**a). Cá nhân đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” đạt các tiêu chuẩn sau:**

Danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ được tặng cho cá nhân quy định tại khoản 1, Điều 2 Nghị định này đã được tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ và đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, điều lệ, nội quy, quy chế của cơ quan, tổ chức, địa phương.

2. Có thời gian hoạt động liên tục trong nghề thủ công mỹ nghệ hoặc cộng dồn từ 20 năm trở lên.

3. Có phẩm chất đạo đức tốt, gương mẫu trong cuộc sống; tâm huyết, tận tụy với nghề; được đồng nghiệp và Nhân dân mến mộ, kính trọng; là đại diện tiêu biểu cho sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ của cả nước.

4. Có tri thức, kỹ năng đặc biệt xuất sắc, cụ thể:

a) Sau khi đã được phong tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú”, Nghệ nhân phải trực tiếp thiết kế, chế tác được 02 sản phẩm, tác phẩm mới có giá trị kinh tế, kỹ thuật và mỹ thuật cao, đạt một trong các tiêu chí: Đạt giải nhì trở lên các cuộc thi liên quan đến sản phẩm thủ công mỹ nghệ do cơ quan có thẩm quyền tổ chức trong phạm vi cả nước; được Nhà nước Việt Nam cử tham gia các hoạt động trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ đạt thành tích từ giải ba khu vực, quốc tế trở lên; được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận tiêu biểu, đánh giá phân hạng cấp quốc gia trong lĩnh vực thủ công mỹ nghệ;

b) Trường hợp “Nghệ nhân ưu tú” trên 70 tuổi, không đáp ứng tiêu chuẩn tại điểm a khoản này thì phải đạt một trong các tiêu chuẩn: Là người dân tộc thiểu số (hiện đang làm nghề và sinh sống ổn định tại vùng dân tộc thiểu số từ 05 năm trở lên); có 02 sản phẩm, tác phẩm trở lên được chọn làm tặng phẩm của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước tặng khách cấp cao nước ngoài theo quy định về nghi lễ đối ngoại; được bảo tàng cấp quốc gia lựa chọn làm hiện vật trưng bày; được sử dụng vào công trình phục chế di tích lịch sử - văn hoá (công trình biểu trưng văn hóa) cấp quốc gia.

5. Có công lớn trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ của cả nước; nắm giữ kỹ năng, bí quyết nghề, truyền dạy nghề cho từ 150 cá nhân trở lên, trừ trường hợp nghề thủ công mỹ nghệ đặc thù hoặc từ 20 cá nhân trở lên hiện đang làm nghề trên 10 năm tại các cơ sở sản xuất hoặc từ 1 cá nhân trở lên được Nhà nước phong tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ”

**b). Cá nhân đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” đạt các tiêu chuẩn sau:**

Danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ được tặng cho cá nhân quy định tại khoản 1, Điều 2 Nghị định này đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, điều lệ, nội quy, quy chế của cơ quan, tổ chức, địa phương.

2. Có thời gian hoạt động liên tục trong nghề thủ công mỹ nghệ hoặc cộng dồn từ 15 năm trở lên.

3. Có phẩm chất đạo đức tốt, gương mẫu trong cuộc sống; tâm huyết, tận tụy với nghề, được đồng nghiệp và Nhân dân mến mộ, kính trọng; là đại diện tiêu biểu cho sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ của địa phương.

4. Có tri thức, kỹ năng đặc biệt xuất sắc, cụ thể:

a) Trực tiếp thiết kế, chế tác được ít nhất 10 tác phẩm, sản phẩm có giá trị kinh tế, kỹ thuật và mỹ thuật cao;

b) Đã có sản phẩm, tác phẩm đạt một trong các tiêu chí: Đạt từ giải nhì trở lên trong các cuộc thi liên quan đến sản phẩm thủ công mỹ nghệ do cơ quan có thẩm quyền tổ chức phạm vi cấp tỉnh hoặc giải ba trở lên trong phạm vi cả nước; được Nhà nước Việt Nam cử tham gia các hoạt động trong lĩnh vực thủ công mỹ nghệ đạt thành tích từ giải ba khu vực, quốc tế trở lên; được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận tiêu biểu, đánh giá phân hạng cấp quốc gia trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ; được bảo tàng cấp quốc gia, bảo tàng cấp tỉnh lựa chọn làm hiện vật trưng bày; được sử dụng làm mẫu phục vụ công tác giảng dạy trong lĩnh vực thủ công mỹ nghệ tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đại học; được sử dụng vào công trình phục chế di tích lịch sử - văn hoá (công trình biểu trưng văn hóa) cấp tỉnh, cấp quốc gia.

5. Có công lớn trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ của địa phương; nắm giữ kỹ năng, bí quyết, truyền dạy nghề cho từ 100 cá nhân trở lên, trừ trường hợp nghề thủ công mỹ nghệ đặc thù hoặc từ 15 cá nhân trở lên hiện đang làm nghề trên 10 năm tại các cơ sở sản xuất”

**1.10. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

Nghị định số 43/2024/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về xét tặng danh hiệu *“Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú”*trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ.

**1.11 Lưu hồ sơ ISO**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thành phần hồ sơ lưu** | **Bộ phận lưu trữ** | **Thời gian lưu** |
| - Như mục 1.2.- Kết quả giải quyết TTHC hoặc Văn bản trả lời của đơn vị đối với hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, điều kiện.- Hồ sơ thẩm định (nếu có)- Văn bản trình cơ quan cấp trên (nếu có) | Phòng Quản lý Công nghiệp | Từ 03 năm sau đó chuyển hồ sơ đến kho lưu trữ của Sở theo quy định |
| Các biểu mẫu theo Khoản 1, Điều 9, Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thôngtrong giải quyết thủ tục hành chính**.**  | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả | Từ 01 năm sau đó chuyển hồ sơ đến kho lưu trữ của Sở |

**Mẫu số 01**

|  |  |
| --- | --- |
| **Ảnh màu****4 x 6***(đóng dấu giáp lai)* | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc------------------------** **BẢN KHAI THÀNH TÍCH ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG DANH HIỆU “NGHỆ NHÂN NHÂN DÂN”***(Độ dài không quá 05 trang khổ A4)* |

**I. SƠ YẾU LÝ LỊCH**

1. Họ và tên (khai sinh): ………………….…; Ngày, tháng, năm sinh…………………………

2. Tên thường gọi hoặc nghệ danh, bí danh: ……………………………………………………

3. Mã định danh cá nhân: …………………………….Ngày cấp: ……………………………...

Nơi cấp: ……………………………………………………………………………..…………..

4. Địa chỉ thường trú: …………………………………………………………….……………..

5. Nơi cư trú hiện nay: …………………………………………………………..……………...

…………………………………………………………………………………………………...

6. Tên nghề thủ công mỹ nghệ nắm giữ: ………………………………………………………..

7. Năm bắt đầu thực hành nghề thủ công mỹ nghệ: ……………………………….……………

8. Năm được phong tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú”: ……………………………..………...

9. Điện thoại nhà riêng: ………………….. Điện thoại di động: ………………………..……...

10. Địa chỉ liên hệ: ……………………………………………………………………….……..

11. Người liên hệ khi cần: …………………………….Điện thoại: ……………………………

12. Số lượng học trò đã truyền dạy được: ……………………………………………….……...

13. Học trò tiêu biểu:

Họ và tên:……………………………..; Ngày, tháng năm sinh: ……………………………….

Địa chỉ: ……………………………………………………………………………………..…...

Điện thoại nhà riêng: ……………………Điện thoại di động: ………………………….……...

Thành tích đạt được: ……………………………………………………………………………

**II. QUÁ TRÌNH THAM GIA THỰC HÀNH NGHỀ THỦ CÔNG MỸ NGHỆ**

*(Kê khai về quá trình tham gia thực hành nghề thủ công mỹ nghệ sau khi được phong tặng danh hiệu Nghệ nhân ưu tú)*

…………………………………………………………………………………………….……

…………………………………………………………………………………………….……

…………………………………………………………………………………………….……

…………………………………………………………………………………………….……

**III. TRI THỨC VÀ KỸ NĂNG ĐANG NẮM GIỮ**

Mô tả kỹ năng và kỹ xảo nghề đang nắm giữ: ………………………………………….……..

…………………………………………………………………………………………….……

…………………………………………………………………………………………….……

…………………………………………………………………………………………….……

…………………………………………………………………………………………….……

**IV. TÊN TÁC PHẨM, SẢN PHẨM TIÊU BIỂU**

Kê khai số lượng, nội dung của tác phẩm, sản phẩm sau khi được phong tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú”:

…………………………………………………………………………………………….…….

…………………………………………………………………………………………….…….

…………………………………………………………………………………………….…….

…………………………………………………………………………………………….…….

…………………………………………………………………………………………….…….

**V. KHEN THƯỞNG**

Kê khai thành tích khen thưởng từ trước đến nay:

…………………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..……….

………………………………………………………………………………………….……..…

………………………………………………………………………………………….……..…

**VI. KỶ LUẬT**

…………………………………………………………………………………………………...

…………………………………………………………………………………………..……….

………………………………………………………………………………………….……..…

Tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính xác thực của thông tin đã kê khai và thực hiện đúng trách nhiệm, nghĩa vụ của bản thân theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng sau khi được phong tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”.

|  |  |
| --- | --- |
| *……., ngày …. tháng …. năm ….***XÁC NHẬN****CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ1****CHỦ TỊCH***(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*   | *……., ngày …. tháng …. năm ….***NGƯỜI KHAI***(Ký, ghi rõ họ tên)* |
| *……., ngày …. tháng …. năm ….***XÁC NHẬN CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG***(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*  |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

***Ghi chú:*** 1 Xác nhận về cư trú, sự tuân thủ luật pháp và các quy định tại nơi cư trú.

**Mẫu số 02**

|  |  |
| --- | --- |
| **Ảnh màu****4 x 6***(đóng dấu giáp lai)* | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc-------------------** **BẢN KHAI THÀNH TÍCH ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG DANH HIỆU “NGHỆ NHÂN ƯU TÚ”***(Độ dài không quá 05 trang khổ A4)* |

**I. SƠ YẾU LÝ LỊCH**

1. Họ và tên (khai sinh);……………..…….; Ngày, tháng, năm sinh ……………………………...

2. Tên thường gọi hoặc nghệ danh, bí danh: ……………………………………………………….

3. Mã định danh cá nhân: ……………………….Ngày cấp: ………………………………….…...

Nơi cấp: ……………………………………………………………………………….……………

4. Địa chỉ thường trú: ……………………………………………………………………………….

………………………………………………………………………………………….…………...

5. Nơi cư trú hiện nay: ……………………………………………………………………………..

………………………………………………………………………………………………………

6. Tên nghề thủ công mỹ nghệ nắm giữ: …………………………………………..……………….

7. Năm bắt đầu thực hành nghề thủ công mỹ nghệ: ………………………………………………..

8. Điện thoại nhà riêng: …………………..Điện thoại di động: …………………………………...

9. Địa chỉ liên hệ: …………………………………………………………………………………..

………………………………………………………………………………………………………

10. Người liên hệ khi cần: ………………………………………………………..………………...

……………………………………….. Điện thoại: ………………………………….…………….

11. Số lượng học trò đã truyền dạy được: ………………………………………….………………

**II. QUÁ TRÌNH THAM GIA THỰC HÀNH NGHỀ THỦ CÔNG MỸ NGHỆ**

(Kê khai về quá trình tham gia thực hành nghề thủ công mỹ nghệ, học nghề từ ai, nay còn sống hay đã mất, địa chỉ, điện thoại của người đó (nếu có); đã thực hành nghề thủ công mỹ nghệ đang nắm giữ như thế nào,...) …………………………………………………………………………….

………………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………..…………..

………………………………………………………………………………………….…………...

**III. TRI THỨC VÀ KỸ NĂNG ĐANG NẮM GIỮ**

Mô tả kỹ năng và kỹ xảo nghề đang nắm giữ: ……………………………………………………...

………………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………..………….

………………………………………………………………………………………….…………..

**IV.** **TÊN TÁC PHẨM, SẢN PHẨM TIÊU BIỂU**

Kê khai số lượng, nội dung của tác phẩm, sản phẩm: ……………………………………………...

………………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………..………….

………………………………………………………………………………………….…………..

**V. KHEN THƯỞNG**

Kê khai thành tích khen thưởng từ trước đến nay: ………………………………….……………..

………………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………..…………

………………………………………………………………………………………….…………

**VI. KỶ LUẬT**

………………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………….…………...

………………………………………………………………………………………….…………..

Tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính xác thực của thông tin đã kê khai và thực hiện đúng trách nhiệm, nghĩa vụ của bản thân theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng sau khi được phong tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú”.

|  |  |
| --- | --- |
| *……., ngày …. tháng …. năm ….***XÁC NHẬN****CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ1****CHỦ TỊCH***(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*   | *……., ngày …. tháng …. năm ….***NGƯỜI KHAI***(Ký, ghi rõ họ tên)* |
| *……., ngày …. tháng …. năm ….***XÁC NHẬN CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG***(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*  |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

***Ghi chú:*** 1 Xác nhận về cư trú, sự tuân thủ luật pháp và các quy định tại nơi cư trú.